

Báo cáo thị trường tiền tệ

NHNN quay lại bơm ròng trong khi lãi suất liên ngân hàng tăng

NHNN bơm ròng đáng kể

Trong tuần 48 (từ ngày 24 đến 28 tháng 11), NHNN đã quay trở lại vị thế bơm ròng mạnh sau khi hút ròng vào tuần trước đó. Cụ thể, NHNN đã bơm ròng 73.92 nghìn tỷ đồng vào hệ thống qua kênh nghiệp vụ thị trường mở, với lượng phát hành mới đạt 120.60 nghìn tỷ đồng trong khi lượng đáo hạn là 46.68 nghìn tỷ đồng.

Đường cong lãi suất liên ngân hàng phẳng dần

Trên thị trường liên ngân hàng, đường cong lãi suất trở nên phẳng hơn do nhóm kỳ hạn ngắn tăng mạnh trong khi nhóm dài hạn chỉ ghi nhận mức tăng khiêm tốn. Cụ thể, ở nhóm kỳ hạn ngắn, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng lần lượt tăng 77 đcb, 110 đcb, 100 đcb và 87 đcb, lên mức 5.17%, 5.67%, 5.87% và 5.83%. Ở nhóm kỳ hạn dài, đã tăng diễn ra chậm hơn với kỳ hạn 3 tháng (3M) tăng 20 đcb, trong khi kỳ hạn 6 tháng, 9 tháng và 1 năm đồng loạt tăng 15 đcb, dao động trong vùng 6.55%–6.70%. Thêm vào đó, doanh số giao dịch bình quân tăng 10.57% so với tuần trước, đạt 856.39 nghìn tỷ đồng.

USDVND đi ngang

Trong tuần qua, tỷ giá USDVND gần như không đổi trong khi đồng bạc xanh giảm, với chỉ số DXY đóng cửa tại 99,5 vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD suy yếu khi niềm tin vào đợt cắt giảm lãi suất tháng 12 của Fed gia tăng, với xác suất thị trường tăng lên 87,4% theo CME FedWatch. Tâm lý này được củng cố bởi các phát biểu mang tính nới lỏng từ các quan chức Fed, bao gồm John Williams và Christopher Waller, cùng với số liệu doanh thu bán lẻ tháng 9 thấp hơn dự báo. Trong nước, USDVND đóng cửa ở mức 26.365 vào thứ Sáu, trong bối cảnh dòng vốn ngoại tiếp tục bán ròng—với giá trị bán ròng 0,57 nghìn tỷ đồng trên HoSE—dường như đã triệt tiêu áp lực giảm từ việc DXY suy yếu, giữ tỷ giá ở thể cân bằng.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	Corr.
FDI %n/n	9.6	8.8	10.1	12.5	6.8	11.4	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.5	8.3	8.6	10.4	11.0	7.2	-0.16
Xuất khẩu %n/n	17.0	16.3	16.0	14.5	24.7	17.5	-0.05
Nhập khẩu %n/n	14.1	20.2	17.8	17.7	24.9	16.8	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	0.6	2.8	2.3	3.7	2.8	2.6	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.2	0.5	0.1	0.0	0.4	0.2	-0.03
Tín dụng %n/n	18.8	19.2	19.1	19.9	19.6	18.8	-0.23
USDVND %t/t	0.1	0.3	0.4	0.6	0.3	-0.4	-0.3
PMI(Điểm)	49.8	48.9	52.4	50.4	50.4	54.5	-0.09
VNINDEX %t/t	8.7	3.3	9.2	12.0	-1.2	-1.3	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS
¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN bơm ròng đáng kể	1
II. Đường cong lãi suất liên ngân hàng phẳng dần.....	3
III. Lãi suất TPCP đi ngang.....	4
IV. USDVND đi ngang.....	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.
researchdept@kisvn.vn

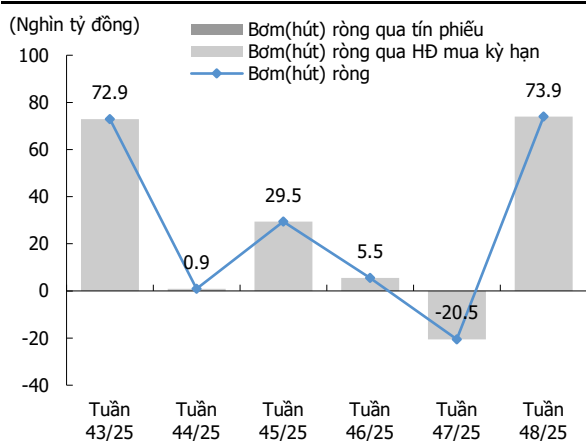
I. NHNN bơm ròng đáng kể

NHNN tăng cường bơm thanh khoản khi nhu cầu vốn gia tăng

Trong tuần 48 (từ ngày 24 đến 28 tháng 11), NHNN đã quay trở lại vị thế bơm ròng mạnh sau khi hút ròng vào tuần trước đó. Cụ thể, NHNN đã bơm ròng 73.92 nghìn tỷ đồng vào hệ thống qua kênh nghiệp vụ thị trường mở, với lượng phát hành mới đạt 120.60 nghìn tỷ đồng trong khi lượng đáo hạn là 46.68 nghìn tỷ đồng.

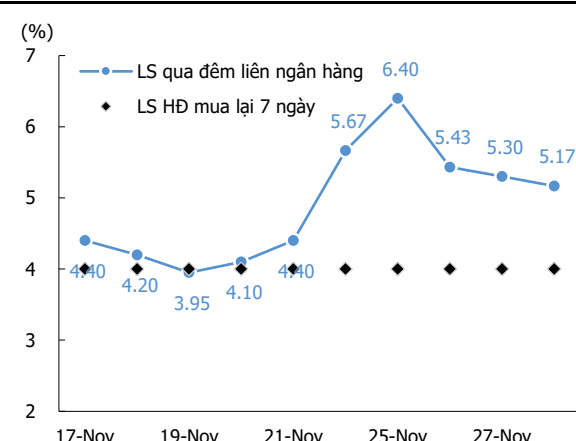
Diễn biến này cho thấy áp lực thanh khoản trong hệ thống ngân hàng vẫn còn hiện hữu. Đáng chú ý, nhà điều hành tiếp tục duy trì kỳ hạn 105 ngày nhằm giảm tải áp lực đáo nợ trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh, qua đó tái khẳng định quan điểm hỗ trợ thanh khoản ngắn hạn. Về cuối năm, chúng tôi kỳ vọng SBV sẽ ưu tiên đảm bảo sự vận hành thông suốt của thị trường, do nhu cầu thanh khoản thường tăng cao theo chu kỳ khi các ngân hàng đẩy mạnh giải ngân tín dụng để đạt mục tiêu năm.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/11/25	1/12/25	7	10.70	4.00
25/11/25	2/12/25	7	5.00	4.00
27/11/25	4/12/25	7	0.79	4.00
28/11/25	5/12/25	7	0.25	4.00
Tổng		7	16.74	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/11/25	8/12/25	14	12.30	4.00
25/11/25	9/12/25	14	5.43	4.00
26/11/25	10/12/25	14	0.92	4.00
27/11/25	11/12/25	14	1.06	4.00
28/11/25	12/12/25	14	3.36	4.00
Tổng		14	23.08	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 28 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/11/25	22/12/25	28	14.00	4.00
25/11/25	23/12/25	28	10.62	4.00
26/11/25	24/12/25	28	0.24	4.00
Tổng		28	24.86	4.00

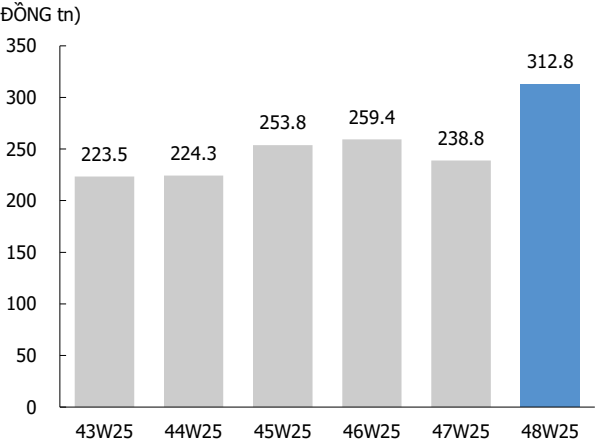
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 91 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
24/11/25	23/02/26	91	13.35	4.00
25/11/25	24/02/26	91	21.77	4.00
26/11/25	25/02/26	91	4.08	4.00
27/11/25	26/02/26	91	8.46	4.00
28/11/25	27/02/26	91	8.27	4.00
Tổng		91	55.92	4.00

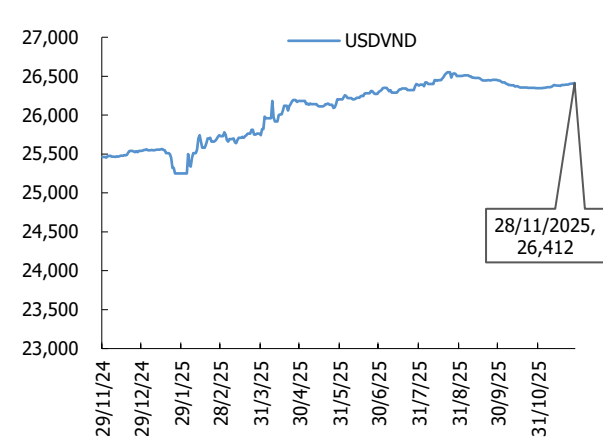
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS

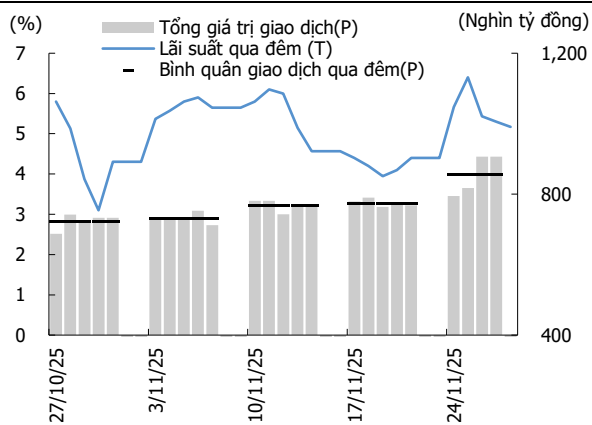
II. Đường cong lãi suất liên ngân hàng phẳng dần

Lãi suất ngắn hạn tăng nóng, kỳ hạn dài nhích nhẹ

Trên thị trường liên ngân hàng, đường cong lãi suất trở nên phẳng hơn do nhóm kỳ hạn ngắn tăng mạnh trong khi nhóm dài hạn chỉ ghi nhận mức tăng khiêm tốn. Cụ thể, ở nhóm kỳ hạn ngắn, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng lần lượt tăng 77 đcb, 110 đcb, 100 đcb và 87 đcb, lên mức 5.17%, 5.67%, 5.87% và 5.83%. Ở nhóm kỳ hạn dài, đà tăng diễn ra chậm hơn với kỳ hạn 3 tháng (3M) tăng 20 đcb, trong khi kỳ hạn 6 tháng, 9 tháng và 1 năm đồng loạt tăng 15 đcb, dao động trong vùng 6.55%–6.70%. Thêm vào đó, doanh số giao dịch bình quân tăng 10.57% so với tuần trước, đạt 856.39 nghìn tỷ đồng.

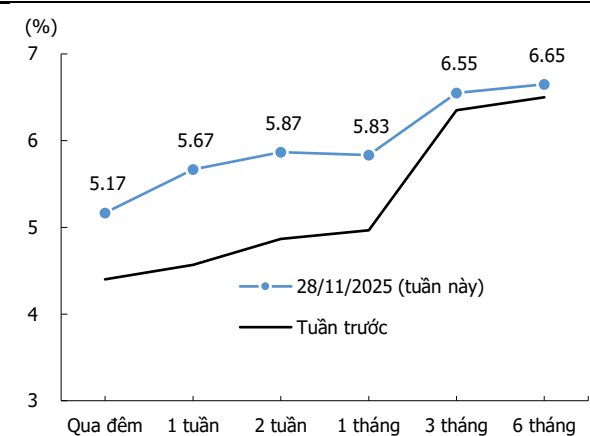
Những diễn biến này cho thấy thanh khoản hệ thống vẫn chịu áp lực đáng kể khi bước vào giai đoạn cuối năm. Do các tháng cuối năm thường đi kèm nhu cầu giải ngân tín dụng tăng tốc, thanh khoản nhiều khả năng sẽ tiếp tục căng thẳng, phản ánh qua việc lãi suất liên ngân hàng neo ở mức cao. Do đó, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì quan điểm bơm ròng thanh khoản trên thị trường OMO, hoặc tối thiểu là hạn chế tác động hút ròng từ lượng hợp đồng đáo hạn.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



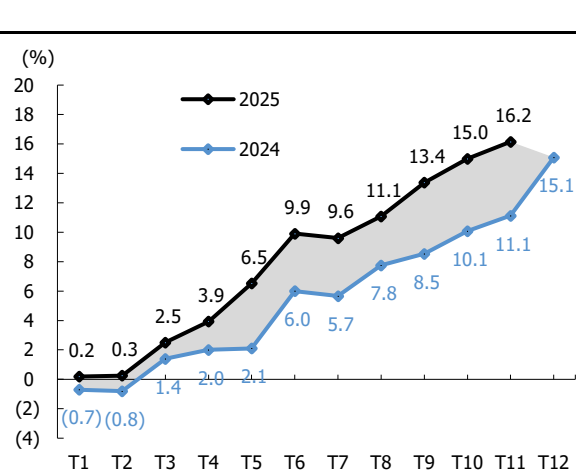
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



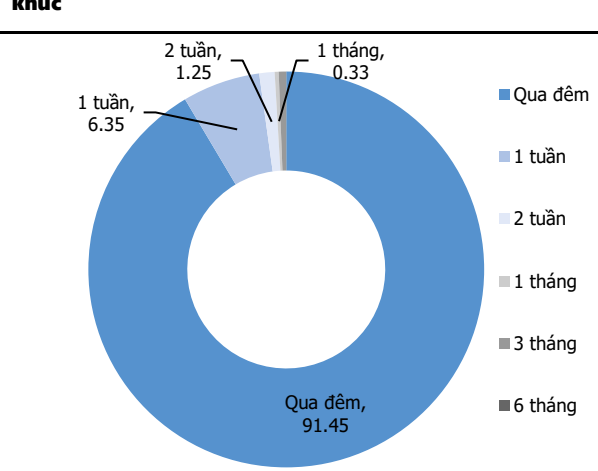
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 21/11/2025

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



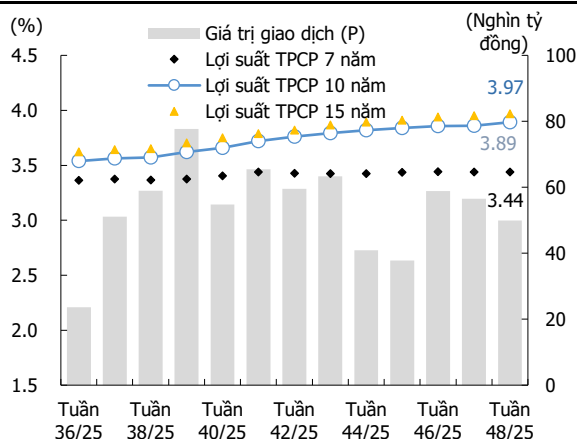
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất TPCP đi ngang

Thanh khoản trầm lắng trong khi áp lực phát hành gia tăng

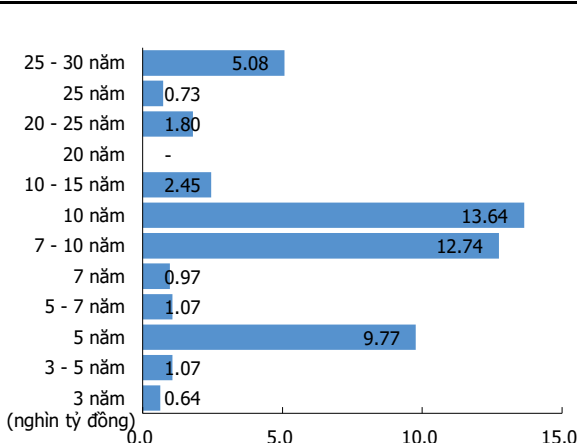
Trong tuần 48 năm 2025, lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp duy trì xu hướng đi ngang trên hầu hết các kỳ hạn, đi kèm với sự sụt giảm nhẹ về giá trị giao dịch, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Cụ thể, lợi suất tại các kỳ hạn giao dịch sôi động như 10 năm và 15 năm nhích nhẹ lần lượt 3 đcb và 2 đcb, lên mức 3.89% và 3.97%, trong khi các kỳ hạn khác giữ nguyên. Tổng giá trị giao dịch giảm xuống còn 49.96 nghìn tỷ đồng, thấp hơn 11.60% so với tuần trước, bình quân đạt 9.99 nghìn tỷ đồng/phiên.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



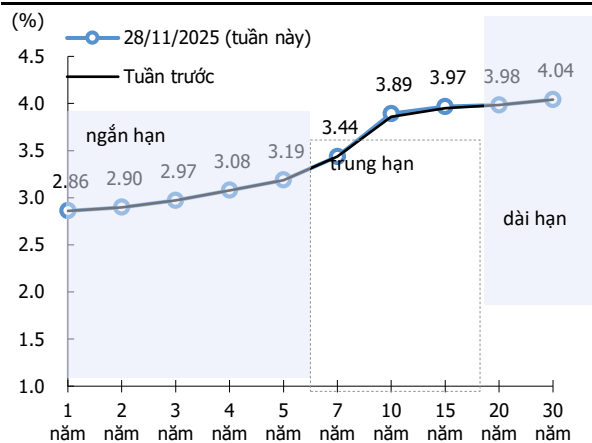
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



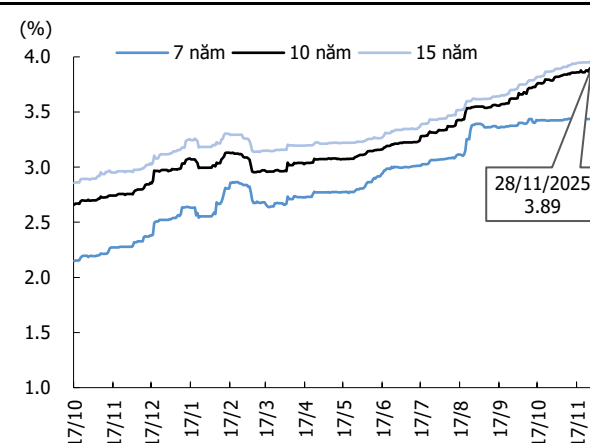
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

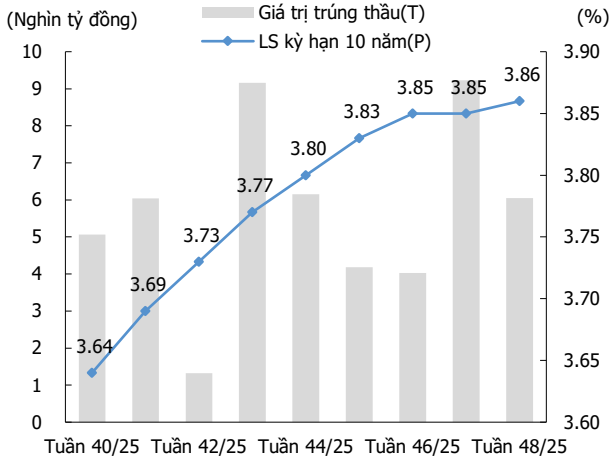
Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

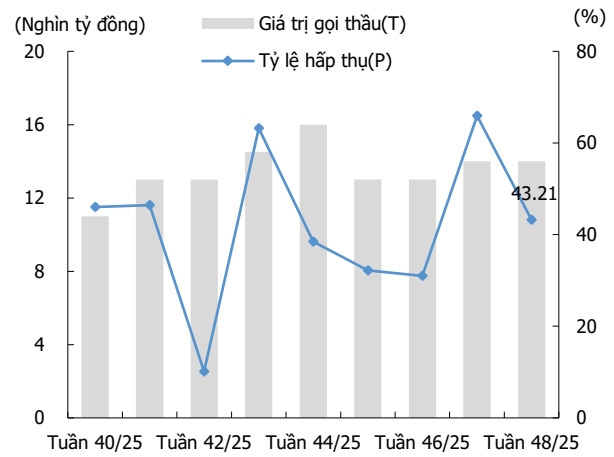
Trên thị trường sơ cấp, lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tăng nhẹ 1 đcb lên 3.86%, trong khi khối lượng trúng thầu giảm mạnh so với tuần trước. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 306.92 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 61.4% kế hoạch năm—thấp hơn đáng kể so với tiến độ 80.75% ghi nhận cùng kỳ năm 2024. Trong bối cảnh năm 2025 sắp kết thúc và vẫn cần huy động khoảng 200 nghìn tỷ đồng để đạt chỉ tiêu, áp lực phát hành đang ngày càng lớn, điều này có thể đẩy lợi suất TPCP tăng cao trong những tuần tới.

Hình 7: Giá trị trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 8: Hệ số hấp thụ hàng tuần



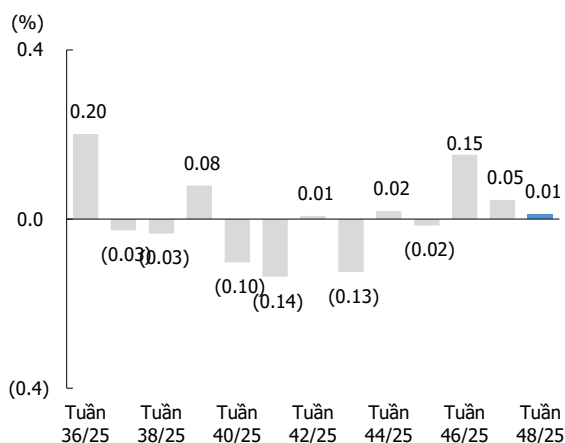
IV. USDVND đi ngang

USDVND ổn định bất chấp đà giảm của đồng USD

Trong tuần qua, tỷ giá USDVND gần như không đổi (+0,01%) trong khi đồng bạc xanh giảm, với chỉ số DXY đóng cửa tại 99,5 (-0,72%) vào thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, đồng USD suy yếu khi niềm tin vào đợt cắt giảm lãi suất tháng 12 của Fed gia tăng, với xác suất thị trường tăng lên 87,4% theo CME FedWatch. Tâm lý này được củng cố bởi các phát biểu mang tính nới lỏng từ các quan chức Fed, bao gồm John Williams và Christopher Waller, cùng với số liệu doanh thu bán lẻ tháng 9 thấp hơn dự báo. Trong nước, USDVND đóng cửa ở mức 26.365 vào thứ Sáu, trong bối cảnh dòng vốn ngoại tiếp tục bán ròng—với giá trị bán ròng 0,57 nghìn tỷ đồng (0,5% tổng giá trị giao dịch) trên HoSE—dường như đã triệt tiêu áp lực giảm từ việc DXY suy yếu, giữ tỷ giá ở thể cân bằng.

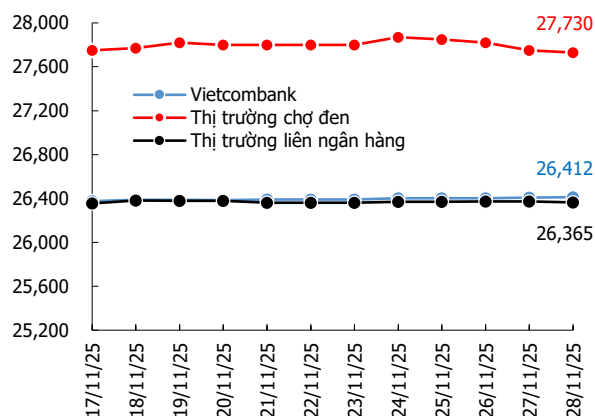
Trên các phân khúc ngoại hối khác, tỷ giá bán ra tại Vietcombank tăng 0,08% (20 đồng), trong khi thị trường tự do giảm 0,25% (70 đồng). Tính đến thứ Sáu, giá bán ra lần lượt ở mức 26.412 tại Vietcombank và 27.730 trên thị trường tự do.

Hình 123: Diễn biến của USDVND theo tuần



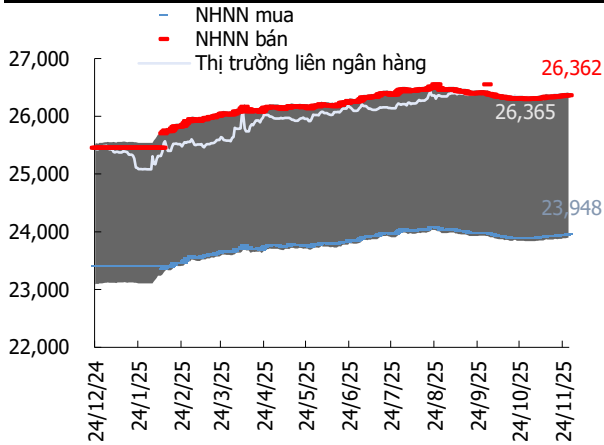
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 134: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



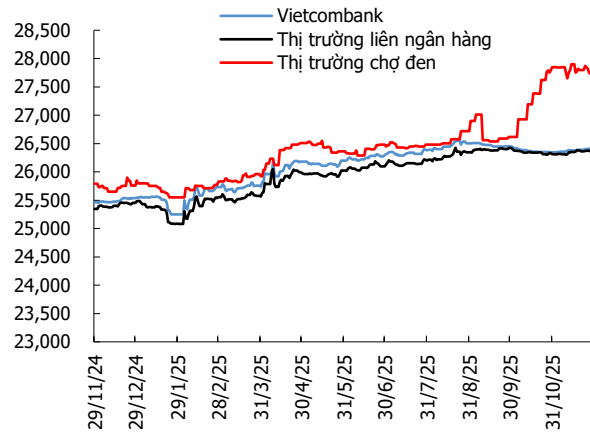
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 14: Diễn biến giao dịch của NHNN



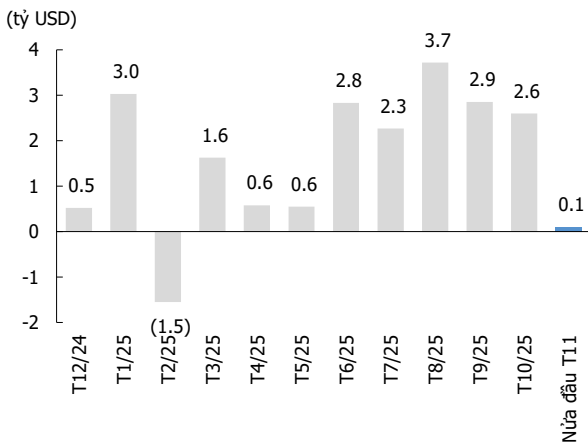
Nguồn: SBV, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 15: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



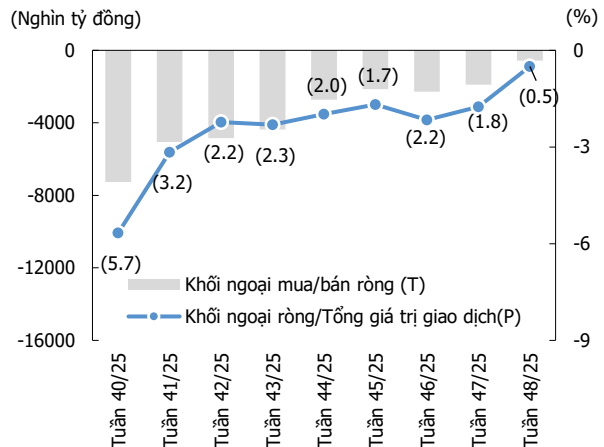
Nguồn: SBV, Bloomberg, KIS

Hình 16: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



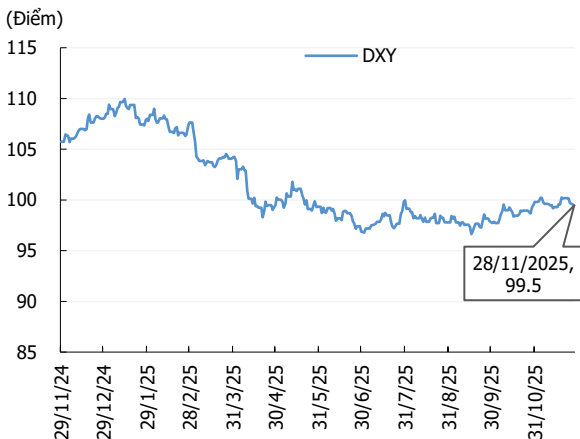
Nguồn: GSO, KIS
Chú thích: Cập nhật đến ngày 19/11/2025

Hình 17: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 18: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 19: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		46W25	47W25	48W25	2025 YTD
Trung Quốc	USDCNY	-0.32	0.08	-0.43	-3.08
EU	USDEUR	-0.47	0.94	-0.73	-10.73
Mexico	USDMXN	-0.78	0.95	-0.99	-11.89
Việt Nam	USDVND	0.15	0.05	0.01	3.44
Canada	USDCNY	-0.15	0.56	-0.88	-3.11
Thượng Hải	USDTWD	0.36	0.92	-0.11	-4.52
Nhật Bản	USDJPY	0.74	1.20	-0.15	-0.65
Hàn Quốc	USDKRW	-0.69	1.39	-0.29	-0.32
Thái Lan	USDTHB	0.16	0.25	-0.88	-5.57
DXY	Chỉ số đồng USD	-0.31	0.89	-0.72	-8.32

Nguồn: SBV, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25	4Q24	1Q25	2Q25	3Q25	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						7.55	7.05	8.19	8.23	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	3.14	2.57	2.05	2.40	2.98	13.44	10.98	10.54	7.02	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.20	2.22	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	39.49	42.27	43.39	42.67	42.05	105.9	102.84	110.62	118.38	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	36.66	40.00	39.67	39.82	39.45	101.9	99.68	118.83	120.19	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	16.31	15.95	14.50	24.73	17.48	11.46	10.64	10.62	18.38	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	20.16	17.77	17.71	24.88	16.83	14.91	17.03	18.83	20.19	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	3.57	3.19	3.24	3.38	3.25	2.87	3.22	3.31	3.27	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/ĐỒNG	26,121	26,199	26,345	26,427	26,315	25,386	25,565	26,121	26,427	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.48	19.12	19.91	19.61	18.77	13.8	16.3	17.48	19.61	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	3.34	3.45	3.69	3.76	3.95	2.94	3.06	3.34	3.76	2.11	5.08	2.39	2.94

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Hình 1. Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2022	2023	2Q24	4Q24	1Q25	2Q25
Cán cân vãng lai	(1.1)	25.1	4.5	7.5	4.0	8.7
Hàng hóa: Xuất khẩu	371.3	354.7	97.9	105.9	102.8	117.0
Hàng hóa: Nhập khẩu	345.6	310.7	89.3	97.0	94.9	107.1
Hàng hóa ròng	25.7	44.0	8.5	8.9	7.9	9.9
Dịch vụ: Xuất khẩu	12.9	19.6	5.5	6.6	7.6	7.2
Dịch vụ: Nhập khẩu	25.5	29.1	8.3	9.6	9.2	10.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	2.3	4.6	1.4	1.4	1.3	1.3
Thu nhập sơ cấp: Chi	22.0	27.0	5.4	3.8	7.2	3.7
Thu nhập thứ cấp: Thu	12.2	16.1	3.8	5.1	4.6	5.2
Thu nhập thứ cấp: Chi	6.7	3.1	1.1	1.0	1.1	0.9
Cán cân tài chính	(9.5)	(2.8)	(6.3)	0.3	(3.5)	(4.8)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)	(0.3)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	17.9	18.5	5.0	6.4	4.0	5.4
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	1.5	(1.2)	(1.6)	(2.0)	(1.0)	(0.7)
Đầu tư khác, tài sản có	13.7	(14.3)	(5.2)	(4.3)	(3.5)	(8.8)
Đầu tư khác, tài sản nợ	6.4	(7.4)	(4.4)	0.4	(2.7)	(0.6)
Lỗi và sai sót	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(9.4)	(2.1)	(2.4)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	(22.7)	(5.6)	6.1	1.7	1.7	(1.5)

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.